



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241002761

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**Mã học phần: **BAA00007**Lớp: **22_1**Ngày thi: **01/12/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	20200366	Lương Tấn	Toàn					6		Sau	
2	20250054	Huỳnh Đức	Thịnh					8		Tam	
3	21120428	Lương Thành	Đạt					6		Sau	
4	21120435	Lê Phan Xuân	Dũng					6		Sau	
5	21130117	Võ Thanh	Bình					5		Năm	
6	21130313	Nguyễn Sơn	Tùng					4		Bon	
7	21130332	Phạm Hoàng	Yến					7		Bảy	
8	21180257	Nguyễn Trương Minh	Ái								
9	21180333	Dương Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc					8		Tam	
10	22120013	Nguyễn Đức	Anh					5		Tam	
11	22120020	Cao Gia	Bảo					9		Chín	
12	22120048	Nguyễn Chí	Danh					7		Bảy	
13	22120059	Trần Minh	Đạt					8		Tam	
14	22120063	Ngô Phương	Đông					8		Tam	
15	22120069	Nguyễn Duy	Đức					8		Tam	
16	22120070	Nguyễn Thành	Đức					7		Bảy	
17	22120081	Phạm Thanh	Duy					7		Bảy	
18	22120091	Phạm Khánh	Hân					8		Tam	
19	22120097	Nguyễn Anh	Hào					7		Bảy	
20	22120105	Huỳnh Văn	Hiếu				1	0		Mười	
21	22120123	Nguyễn Minh	Hưng					9		Chín	
22	22120163	Phạm Đào Anh	Khoa					7		Bảy	
23	22120220	Phạm Văn Hoàng	Nam					8		Tam	
24	22120393	Nguyễn Lê Thanh	Trúc					9		Chín	
25	22120395	Nguyễn Sinh	Trúc					9		Chín	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký: 2) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241002762

Giữa kỳ

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**

Mã học phần: **BAA00007**

Lớp: **22_1**

Ngày thi: **01/12/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
26	22120396	Bùi Khắc	Trung					7		Bảy	
27	22120401	Trần Anh	Tú					9		Chín	
28	22120404	Lê Thanh	Tuấn					5		Năm	
29	22120407	Hoàng Ngọc	Tuệ				1	0		Mười	
30	22120409	Vô Văn	Tùng					7		Bảy	
31	22120413	Nguyễn Quốc	Tường					9		Chín	
32	22120415	Trần Quang	Tuyên					7		Bảy	
33	22120416	Huỳnh Thị Kim	Tuyền				1	0		Mười	
34	22120419	Nguyễn Văn	Tý					6		Sáu	
35	22120422	Nguyễn Phạm Tú	Uyên					8		Tám	
36	22120424	Phạm Ngọc Bảo	Uyên					8		Tám	
37	22120426	Tăng Thị	Vân					8		Tám	
38	22120440	Nguyễn Quang	Vũ					7		Bảy	
39	22120446	Phạm Tuấn	Vương				1	0		Mười	
40	22120448	Bùi Đoàn Thuý	Vy				1	0		Mười	
41	22120449	Lê Nguyễn Huyền	Vy					7		Bảy	
42	22130002	Nguyễn Trần Khánh	An					8		Tám	
43	22130007	Phan Quốc Việt	Anh					5		Năm	
44	22130008	Trần Ngọc	Anh					8		Tám	
45	22130009	Trần Nguyễn Quang	Anh					8		Tám	
46	22130015	Lâm Tùng	Bách					7		Bảy	
47	22130033	Dương Khánh	Diễn					6		Sáu	
48	22130038	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương					6		Sáu	
49	22130044	Nguyễn Thùy	Giang					7		Bảy	
50	22130045	Phan Lam	Giang					6		Sáu	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>TRƯƠNG HỮU NGÂN THY</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Vương Huyền Minh Truet</u>	Họ, tên:
2) <u>Phạm Phú Tuấn Kiệt</u> Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 1/23-24



223241002763

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**

Mã học phần: **BAA00007**

Lớp: **22_1**

Ngày thi: **01/12/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
51	22130046	Phạm Nguyễn Thanh	Giàu		<i>Qu</i>	☐		6		<i>Sai</i>	
52	22130056	Vũ Ngọc Diễm	Hồng		<i>ly</i>	☐		6		<i>Sai</i>	
53	22130057	Lê Thanh	Hùng		<i>anh</i>	☐		6		<i>Sai</i>	
54	22130061	Du Mỹ	Hương		<i>Hương</i>	☐		7		<i>Bảy</i>	
55	22130062	Nguyễn Trần Quỳnh	Hương		<i>Quỳnh</i>	☐		8		<i>Tám</i>	
56	22130063	Bùi Gia	Huy		<i>Bùi</i>	☐		8		<i>Tám</i>	
57	22130067	Hồng Quang	Huy		<i>Huy</i>	☐		7		<i>Bảy</i>	
58	22130077	Nguyễn Văn	Khang		<i>Khang</i>	☐		8		<i>Tám</i>	
59	22130079	Huỳnh Lê Duy	Khánh		<i>hu</i>	☐		8		<i>Tám</i>	
60	22130081	Phạm Anh	Khoa		<i>Khoa</i>	☐		6		<i>Sai</i>	
61	22130082	Nguyễn Lê Minh	Khôi		<i>kh</i>	☐		8		<i>Tám</i>	
62	22130096	Trần Đức	Lương		<i>Trần</i>	☐		9		<i>Chín</i>	
63	22130098	Đinh Nhựt	Lý		<i>Đ</i>	☐		7		<i>Bảy</i>	
64	22130099	Huỳnh Ngọc	Mẫn		<i>Mẫn</i>	☐		8		<i>Tám</i>	
65	22130100	Nguyễn Minh	Mẫn		<i>Xuân</i>	☐		9		<i>Chín</i>	
66	22130105	Lương Ái	My		<i>My</i>	☐		8		<i>Tám</i>	
67	22130106	Phạm Ngọc	My		<i>Phạm</i>	☐	1	0		<i>Mười</i>	
68	22130108	Lý Nguyễn Mạnh Hoàn	Mỹ			☒					
69	22130109	Dương Trần Linh	Nga		<i>Nga</i>	☐		9		<i>Chín</i>	
70	22130110	Đặng Phạm Kim	Ngân		<i>Đặng</i>	☐		9		<i>Chín</i>	
71	22130112	Nguyễn Lê Hải	Ngân		<i>Ngân</i>	☐		8		<i>Tám</i>	
72	22130113	Võ Lê Phương	Nghi		<i>Võ</i>	☐		7		<i>Bảy</i>	
73	22130116	Huỳnh Mỹ	Ngọc		<i>Huỳnh</i>	☐		9		<i>Chín</i>	
74	22130123	Nguyễn Ngọc	Nguyên		<i>Nguyễn</i>	☐		7		<i>Bảy</i>	
75	22130134	Lâm Tâm	Như		<i>Như</i>	☐	1	0		<i>Mười</i>	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Nguyễn Văn Tiến</i> 1) <i>Nguyễn Văn Tiến</i> Chữ ký: <i>NT</i> 2) <i>TRƯƠNG HỮU NGÂN THY</i> Chữ ký: <i>Thy</i>	Họ, tên: <i>Khuong Tinh Minh Truc</i> Chữ ký: <i>nh</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241002764

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**Mã học phần: **BAA00007**Lớp: **22_1**Ngày thi: **01/12/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **F107**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Ước đơn vị	P Thấp phần		
1	22130156	Huỳnh Trần Hoàng	Son		<i>Son</i>	☐		9		<i>Chín</i>	
2	22130179	Hồ Thị Hà	Tiên		<i>Tiên</i>	☐		9		<i>Chín</i>	
3	22130194	Nguyễn Thị Huyền	Trang		<i>HT</i>	☐		7		<i>Bảy</i>	
4	22130196	Trần Ngọc Thu	Trang		<i>Tuoc</i>	☐		9		<i>Chín</i>	
5	22130200	Thân Phương	Trinh		<i>Trinh</i>	☐		7		<i>Bảy</i>	
6	22130202	Lê Quách Hoài	Trung		<i>Truong</i>	☐		7		<i>Bảy</i>	
7	22130209	Lê Hoàng	Tuấn			☒					
8	22130216	Ao Dương	Vĩ		<i>Do</i>	☐		8		<i>Tám</i>	
9	22130226	Hà Mỹ	Xuân		<i>Quoc</i>	☐		8		<i>Tám</i>	
10	22140131	Trần Minh	Ngọc		<i>Ngoc</i>	☐		9		<i>Chín</i>	
11	22140134	Trần Xuân	Nguyên		<i>Tran</i>	☐		9		<i>Chín</i>	
12	22140161	Trần Minh	Phúc		<i>Phuc</i>	☐		7		<i>Bảy</i>	
13	22140186	Trần Nghiêm	Thành		<i>Phu</i>	☐		7		<i>Bảy</i>	
14	22180002	Nguyễn Cao Hoài	An		<i>Tran</i>	☐	1	0		<i>Mười</i>	
15	22180004	Trương Thái Nhã	An		<i>Tran</i>	☐	1	0		<i>Mười</i>	
16	22180012	Nguyễn Hoàng Loan	Anh		<i>Loan</i>	☐		9		<i>Chín</i>	
17	22180017	Trần Ngọc	Anh		<i>Anh</i>	☐	1	0		<i>Mười</i>	
18	22180029	Hoàng Linh	Chi		<i>Chi</i>	☐		8		<i>Tám</i>	
19	22180115	Đỗ Thị Kim	Ngân		<i>Kim</i>	☐	1	0		<i>Mười</i>	
20	22180162	Phan Ngọc Trúc	Quân		<i>Truc</i>	☐		6		<i>Sáu</i>	
21	22200027	Nguyễn Hữu	Đạt		<i>Dat</i>	☐		5		<i>Năm</i>	
22	22200036	Vũ Đình	Đức			☒					
23	22200040	Hoàng Hà	Duy		<i>Duy</i>	☐		7		<i>Bảy</i>	
24	22200046	Nguyễn Trần Quang	Duy		<i>Quang</i>	☐		5		<i>Năm</i>	
25	22200051	Lâm Thanh	Hải		<i>Thanh</i>	☐		5		<i>Năm</i>	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Trần T.T. Lan</i> 1) <i>Trần T.T. Lan</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i> 2) <i>Nguyễn Văn Đức</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>Vương Thuỳ Anh Minh Trang</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>[Signature]</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241002765

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**

Mã học phần: **BAA00007**

Lớp: **22_1**

Ngày thi: **01/12/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F107**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chức	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22200058	Nguyễn Lê Thế	Hiệp					6		Sáu	
27	22200070	Hà Gia	Huy					8		Tám	
28	22200071	Lê Nhật Gia	Huy					9		Chín	
29	22200072	Lê Tấn	Huy					6		Sáu	
30	22200078	Lê Thế	Khải					8		Tám	
31	22200083	Lê Duy	Khánh					6		Sáu	
32	22200087	Nguyễn Thế	Kiệt					5		Năm	
33	22200132	Lê Hùng Tiến	Quốc					4		Bốn	
34	22200137	Phạm Khắc	Sáng					9		Chín	
35	22200140	Lê Đăng	Tâm					7		Bảy	
36	22200145	Nguyễn Vũ Nhật	Thành					7		Bảy	
37	22200155	Nguyễn Huyền	Thoại					9		Chín	
38	22200156	Trần	Thông					5		Năm	
39	22200158	Nguyễn Đức	Thuận					6		Sáu	
40	22200162	Võ Thành	Tiến					7		Bảy	
41	22200186	Nguyễn Thế	Vỹ					8		Tám	
42	22230001	Ngô Thừa	Ân					5		Năm	
43	22230018	Đặng Đông	Khoa					7		Bảy	
44	22230023	Trần Khánh	Linh					8		Tám	
45	22230028	Lâm Bảo	Minh					8		Tám	
46	22230029	Đỗ Nguyễn Thảo	Ngân					9		Chín	
47	22230044	Dư Bảo	Trâm					8		Tám	
48	22230050	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền					6		Sáu	
49	22230051	Lê Nhật Duy	Uyên					7		Bảy	
50	22250010	Đặng Anh	Đức					7		Bảy	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký: 2) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241002766

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**Mã học phần: **BAA00007**Lớp: **22_1**Ngày thi: **01/12/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **F107**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chức	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	22250012	Đỗ Khánh	Duy		<i>Duy</i>	☐		6		<i>Sau</i>	
52	22260016	Nguyễn Nhất	Khánh		<i>Khánh</i>	☐		9		<i>Chín</i>	
53	22260031	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như		<i>Như</i>	☐		8		<i>Tám</i>	
54						☐					
55						☐					
56						☐					
57						☐					
58						☐					
59						☐					
60						☐					
61						☐					
62						☐					
63						☐					
64						☐					
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: 1) <i>Trần Văn Nhật Lan</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i> 2) <i>Nguyễn Văn Đức</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>Vương Thuỵ Anh Minh Triết</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: Chữ ký:
---	--	---------------------------------------



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241002770

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**Mã học phần: **BAA00007**Lớp: **22_2**Ngày thi: **01/12/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **F106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	18120113	Nguyễn Chánh	Đại					8		Tam	
2	18120393	Quách Chí	Hương					5		Nam	
3	20140089	Đỗ Mỹ	Hằng					9		Chin	
4	20180176	Cao Hoàng Khánh	Trần					6		Sau	
5	21120541	Hoàng Văn	Quốc								
6	21130144	Trương Anh	Duy					7		Bây	
7	21130168	Nguyễn Lê Khải	Hoàn					8		Tam	
8	21140321	Đỗ Hoài Mỹ	Anh					8		Tam	
9	22120026	Phan Minh Gia	Bào					7		Bây	
10	22120030	Bùi Việt	Bình					9		Chin	
11	22120049	Tạ Chí Thành	Danh					9		Chin	
12	22120078	Nguyễn Bá	Duy					7		Bây	
13	22120093	Lê Thụy Vĩnh	Hằng					6		Sau	
14	22120099	Trần Gia	Hào					7		Bây	
15	22120101	Nguyễn Văn	Hiển					8		Tam	
16	22120102	Trần Xuân Minh	Hiển					8		Tam	
17	22120107	Phan Văn	Hoa					7		Bây	
18	22120112	Nguyễn Ngọc	Hoàng					9		Chin	
19	22120115	Đỗ Thái	Học					8		Tam	
20	22120118	Vòng Sau	Hùng				1	0		Mười	
21	22120120	Đặng Phúc	Hưng					9		Chin	
22	22120126	Nguyễn Tấn	Hưng					8		Tam	
23	22120135	Lê Quang	Huy					8		Tam	
24	22120143	Nguyễn Thị	Huyền					9		Chin	
25	22120144	Mã Cát	Huỳnh					9		Chin	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Phạm Ngọc Thảo Chữ ký:
2) Phạm Thanh Thủy Chữ ký:

Họ, tên:
Vương Huỳnh Minh Triết
Chữ ký:

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241002771

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**

Mã học phần: **BAA00007**

Lớp: **22_2**

Ngày thi: **01/12/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22120147	Bùi Trần Quang	Khải		<i>Khải</i>	☐		9		Chín	
27	22120151	Nguyễn Minh	Khang		<i>Mu</i>	☐	1	0		Mười	
28	22120156	Huỳnh Gia	Khánh		<i>Huỳnh</i>	☐		8		Tám	
29	22120157	Nguyễn Nam	Khánh		<i>Nam</i>	☐		8		Tám	
30	22120158	Nguyễn Văn	Khánh			☒					
31	22120167	Mạnh Trọng	Kiên		<i>Mạnh</i>	☐		5		Năm	
32	22120169	Nguyễn Trung	Kiên		<i>Trung</i>	☐		8		Tám	
33	22120171	Lê Văn Tuấn	Kiệt		<i>Lê</i>	☐		9		Chín	
34	22120175	Quách Thành	Kiệt		<i>Quách</i>	☐		6		Sáu	
35	22120179	Võ Hà	Lam		<i>Võ</i>	☐		7		Bảy	
36	22120180	Đàm Văn	Lâm		<i>Đàm</i>	☐		8		Tám	
37	22120269	Nguyễn Hoài	Phú			☒					
38	22120270	Bùi Hồng	Phúc		<i>Bùi</i>	☐		7		Bảy	
39	22120357	Trần Văn Anh	Thư		<i>Thư</i>	☐	1	0		Mười	
40	22120368	Phan Thanh	Tiến		<i>Phan</i>	☐		8		Tám	
41	22120369	Quan Phan	Tiến		<i>Quan</i>	☐		8		Tám	
42	22120371	Lý Trọng	Tin		<i>Lý</i>	☐		8		Tám	
43	22120375	Lưu Thái	Toàn		<i>Lưu</i>	☐		8		Tám	
44	22120376	Nguyễn Đức	Toàn		<i>Nguyễn</i>	☐		7		Bảy	
45	22120378	Nguyễn Ngọc Khánh	Trần		<i>Nguyễn</i>	☐		8		Tám	
46	22120383	Nguyễn Đăng	Trí		<i>Nguyễn</i>	☐		8		Tám	
47	22120384	Nguyễn Đình	Trí		<i>Nguyễn</i>	☐		8		Tám	
48	22120387	Trần Đức	Trí		<i>Trần</i>	☐		8		Tám	
49	22120391	Bùi Đức	Trọng			☒					
50	22120430	Lê Hoàng	Việt		<i>Lê</i>	☐	1	0		Mười	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Ng. Đình Quý</i> 1) <i>Ng. Đình Quý</i> Chữ ký: <i>Ng. Đình Quý</i> 2) <i>Phạm Thanh Thủy</i> Chữ ký: <i>Phạm Thanh Thủy</i>	Họ, tên: <i>Vương Hoàng Minh Trí</i> Chữ ký: <i>Vương Hoàng Minh Trí</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241002772

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**Mã học phần: **BAA00007**Lớp: **22_2**Ngày thi: **01/12/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **F106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chức	Trang lưu vị	P.Thập phần		
51	22120433	Lê Quang	Vinh					9		Chín	
52	22120434	Lê Thành	Vinh					8		Tám	
53	22120435	Nguyễn Quốc	Vinh					8		Tám	
54	22120442	Nguyễn Văn	Vũ					8		Tám	
55	22120443	Trương Lê Anh	Vũ					7		Bảy	
56	22120444	Trương Việt	Vũ					8		Tám	
57	22120461	Lê Hoàng	Vũ					7		Bảy	
58	22130006	Phạm Vũ Minh	Anh								
59	22130032	Nguyễn Quốc	Đạt					5		Năm	
60	22130052	Võ Ngọc	Hiếu					5		Năm	
61	22130064	Đình Việt	Huy					7		Bảy	
62	22130083	Nguyễn Duy An	Khương					8		Tám	
63	22130085	Phạm Tuấn	Kiệt								
64	22130087	Nguyễn Kim Trúc	Linh					8		Tám	
65	22130147	Phạm Minh	Quang					7		Bảy	
66	22130153	Quách Thiệu	Sâm					8		Tám	
67	22130167	Thân	Thành					9		Chín	
68	22130168	Vòng Vĩnh	Thành					8		Tám	
69	22130183	Lê Đức	Tiến					6		Sáu	
70	22140036	Phạm Cao Tiến	Đạt					6		Sáu	
71	22140087	Quách Thị Thương	Huyền					7		Bảy	
72	22140102	Thái Minh	Lập				1	0		Mười	
73	22140148	Lê Thị Hồng	Nhung					9		Chín	
74	22140150	Dương Hoài	Ninh					8		Tám	
75	22140239	Lưu Quang	Vũ					9		Chín	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Phạm Ngân Thảo</u> Chữ ký: 2) <u>Ngô Đức Phương</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Vương Huỳnh Minh Triết</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241002767

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**Mã học phần: **BAA00007**Lớp: **22_2**Ngày thi: **01/12/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **F104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	22140245	Đặng Hồng	Yến				1	0		Mười	
2	22150020	Trần Chí	Bảo					8		Tám	
3	22150081	Nguyễn Hoàng Thu	Nhi					8		Tám	
4	22150144	Nguyễn Thị Hồng	Yến				1	0		Mười	
5	22170048	Phùng Kim	Oanh					8		Tám	
6	22180013	Nguyễn Ngọc	Anh					7		Bảy	
7	22180030	Võ Đoàn Lệ	Chi					8		Tám	
8	22180099	Trương Thị Thùy	Linh					7		Bảy	
9	22180110	Nguyễn Vũ Giáng	My					5		Năm	
10	22180121	Tạ Thị Kim	Ngân					9		Chín	
11	22180122	Trần Thị Thu	Ngân					9		Chín	
12	22180123	Phan Vũ Gia	Nghi					8		Tám	
13	22180149	Phan Thanh	Phú					9		Chín	
14	22180183	Nguyễn Cao	Thắng					8		Tám	
15	22180186	Đỗ Vưu Khải	Thành					7		Bảy	
16	22200007	Phạm Khoa	Bách					7		Bảy	
17	22200011	Hồng Quốc	Bảo					6		Sáu	
18	22200018	Trần Vũ	Bảo								
19	22200026	Lê Thành	Đạt					8		Tám	
20	22200028	Nguyễn Tấn	Đạt					7		Bảy	
21	22200029	Võ Tấn	Đạt					8		Tám	
22	22200034	Lê Minh	Đức					8		Tám	
23	22200037	Mai Tiến	Dũng					6		Sáu	
24	22200043	Nguyễn Khắc	Duy					5		Năm	
25	22200044	Nguyễn Khánh	Duy					8		Tám	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: 1) Nguyễn Thị Hòa Chữ ký:
2) Minh Vũ Tuấn Chữ ký:

Họ, tên: Vương Thị Minh Tiến
Chữ ký:

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241002768

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**Mã học phần: **BAA00007**Lớp: **22_2**Ngày thi: **01/12/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **F104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
26	22200048	Trần Lương Minh	Giang					7		Bảy	
27	22200056	Nguyễn Duy	Hậu					4		Bốn	
28	22200090	Phan Thị Thuý	Kiều					7		Bảy	
29	22200091	Nguyễn Trung	Kỳ					7		Bảy	
30	22200097	Đỗ Hoàng	Long					7		Bảy	
31	22200102	Lê Nhật	Minh					7		Bảy	
32	22200104	Võ Ngô Anh	Minh					7		Bảy	
33	22200107	Phạm Thị Ánh	Ngân					8		Tám	
34	22200114	Võ Thành	Nhân					7		Bảy	
35	22200116	Võ Huỳnh Minh	Nhật					9		Chín	
36	22200119	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như					7		Bảy	
37	22200129	Nguyễn Hoàng Khánh	Phương					8		Tám	
38	22200135	Phạm Phương	Quỳnh					9		Chín	
39	22200136	Nguyễn Tấn	Rạng					6		Sáu	
40	22200138	Ngô Hoàng	Son					7		Bảy	
41	22200139	Hà Tuấn	Tài					6		Sáu	
42	22200164	Phạm Ngọc	Trâm					8		Tám	
43	22200165	Đình Nguyễn Hữu	Trí					7		Bảy	
44	22200179	Phạm Văn	Tuấn					7		Bảy	
45	22200182	Trần Hoa	Viên					8		Tám	
46	22200183	Nguyễn Quốc	Việt					9		Chín	
47	22250025	Nguyễn Lê Nguyên	Khôi					7		Bảy	
48	22250044	Hồ Nhật	Tân					9		Chín	
49	22260004	Nguyễn Phú	Cường					6		Sáu	
50	22260005	Ngô Nguyễn Thành	Dạt					8		Tám	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Thị Hương</u>Chữ ký:	Họ, tên: <u>Vương Thị Minh Tuyết</u>	Họ, tên:
2) <u>Vinh Võ Văn</u>Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241002769

Tên học phần: **Phương pháp luận sáng tạo**

Mã học phần: **BAA00007**

Lớp: **22_2**

Ngày thi: **01/12/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	22260007	Nguyễn Thanh	Đạt		<i>Đạt</i>	☐		9		<i>Cum</i>	
52	22260014	Nguyễn Trần Thanh	Khang		<i>Khang</i>	☐		6		<i>Sau</i>	
53	22260018	Trần Nguyễn Minh	Khôi		<i>Khôi</i>	☐		6		<i>Sau</i>	
54	22260030	Phan Gia	Nguyên		<i>2</i>	☐		9		<i>Chín</i>	
55	22260032	Trần Quang	Phúc		<i>LP</i>	☐		7		<i>Bảy</i>	
56						☐					
57						☐					
58						☐					
59						☐					
60						☐					
61						☐					
62						☐					
63						☐					
64						☐					
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Thị Huyền</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i> 2) <i>Ninh Vũ Thảo</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>Vương Thị Minh Tuyết</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 1/23-24



223241002480

Tên học phần: **Ô nhiễm môi trường**Mã học phần: **BIO10318**Lớp: **1** Ngày thi: **31/10/2023** Giờ thi: **8:00**Phòng thi: **F301**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phân		
1	19150069	Thái Minh	Duy		<i>Duy</i>	☐	7	2		Bảy hai	
2	19150300	Nguyễn Tấn	Đạt		<i>Đạt</i>	☐	7	0		Bảy không	
3	19150525	Lê Thị Thuý	Vy		<i>Thuý</i>	☐	8	4		Bám bốn	
4	19180185	Đào Minh	Anh		<i>Anh</i>	☐	7	2		Bảy hai	
5	19180194	Trương Thị Vân	Anh		<i>Vân</i>	☐	7	2		Bảy hai	
6	19180466	Lê Tường	Vy			☐					
7	20150014	Trần Tú	Anh		<i>Anh</i>	☐	7	7		Bảy bảy	
8	20150064	Hoàng	Oanh		<i>Oanh</i>	☐	8	2		Bám hai	
9	20150099	Trần Ngọc	Vy		<i>Ngọc</i>	☐	7	8		Bảy tám	
10	20150102	Nguyễn Hồ Á	Châu		<i>Châu</i>	☐	8	5		Bám năm	
11	20150110	Huỳnh Thị Tuyết	Anh		<i>Tuyết</i>	☐	8	1		Bám một	
12	20150114	Nguyễn Hữu Tuyết	Anh		<i>Tuyết</i>	☐	8	0		Bám không	
13	20150116	Nguyễn Thị Mai	Anh		<i>Mai</i>	☐	8	1		Bám một	
14	20150118	Phan Hữu Hoàng	Anh			☐					
15	20150125	Trịnh Hữu Trúc	Đào		<i>Trúc</i>	☐	8	7		Bám bảy	
16	20150136	Bùi Thụy Vỹ	Hạ		<i>Vỹ</i>	☐	7	5		Bảy năm	
17	20150138	Nguyễn Chí	Hải		<i>Chí</i>	☐	7	2		Bảy hai	
18	20150141	Bùi Thị Mỹ	Hạnh		<i>Mỹ</i>	☐	7	8		Bảy tám	
19	20150157	Cao Thị	Hương		<i>Hương</i>	☐	8	3		Bám ba	
20	20150183	Trần Tài	Lộc		<i>Tài</i>	☐	7	6		Bảy sáu	
21	20150192	Nguyễn Uyên Châu	Mẫn		<i>Mẫn</i>	☐	7	5		Bảy năm	
22	20150212	Nguyễn Thanh	Nghi		<i>Thanh</i>	☐	7	2		Bảy hai	
23	20150215	Lê Nguyễn Bảo	Ngọc		<i>Bảo</i>	☐	8	2		Bám hai	
24	20150253	Trần Xuân	Quỳnh		<i>Xuân</i>	☐	7	8		Bảy tám	
25	20150257	Liên Thị Minh	Tâm		<i>Minh</i>	☐	8	1		Bám một	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>N.T.T.桂江</i> Chữ ký: <i>桂江</i> 2) <i>N.T.T.Thanh Mai</i> Chữ ký: <i>Thanh Mai</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Tấn Thụy Thanh Mai</i> Chữ ký: <i>Thụy Thanh Mai</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241002481

Tên học phần: **Ô nhiễm môi trường**

Mã học phần: **BIO10318**

Lớp: **1**

Ngày thi: **31/10/2023**

Giờ thi: **8:00**

Phòng thi: **F301**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thấp phân		
26	20150266	Nguyễn Thị Trúc	Thi		<i>Thi</i>	☐		8	0	8m không	
27	20150267	Lê Kiều	Thiện		<i>Thi</i>	☐		8	7	8m bảy	
28	20150269	Hồ Thị Kim	Thoa		<i>Thoa</i>	☐		7	7	Bảy bảy	
29	20150270	Huỳnh Anh	Thư		<i>Thư</i>	☐		8	2	8m hai	
30	20150273	Nguyễn Thị Minh	Thùy		<i>Thuy</i>	☐		8	2	8m hai	
31	20150276	Mai Yến	Thy		<i>Thy</i>	☐		8	1	8m một	
32	20150292	Văng Thị Mỹ	Tú		<i>Tu</i>	☐		8	2	8m hai	
33	20150297	Hồ Thanh	Tuyền		<i>Thy</i>	☐		8	3	8m ba	
34	20150306	Trần Trung	Vũ		<i>Vu</i>	☐		8	1	8m một	
35	20150308	Nguyễn Cẩm	Vy		<i>Vy</i>	☐		8	5	8m năm	
36	20150309	Nguyễn Trần Phương	Vy		<i>Phu</i>	☐		7	2	Bảy hai	
37	20180052	Hồ Thị Mỹ	My		<i>My</i>	☐		8	5	8m năm	
38	20180118	Nguyễn Thị Mỹ	Hồng		<i>Hong</i>	☐		8	0	8m không	
39	20180155	Đinh Văn	Thánh		<i>Thy</i>	☐		7	8	Bảy tám	
40	20180177	Nguyễn Thị Thu	Trang		<i>Trang</i>	☐		7	8	Bảy tám	
41	20180179	Lê Trần Thanh	Trúc		<i>Truc</i>	☐		7	6	Bảy sáu	
42	20180285	Nguyễn Ngọc Yến	Khoa		<i>Khoa</i>	☐		8	4	8m bốn	
43	20180298	Tiêu Gia	Linh		<i>Linh</i>	☐		7	3	Bảy ba	
44	20180299	Nguyễn Thị Thanh	Loan		<i>Loan</i>	☐		8	8	8m tám	
45	20180300	Nguyễn Tấn	Lộc		<i>Loc</i>	☐		8	8	8m tám	
46	20180303	Trần Bảo	Long		<i>Long</i>	☐		7	4	Bảy bốn	
47	20180314	Trần Hoàng	Mỹ		<i>My</i>	☐		8	1	8m một	
48	20180382	Nguyễn Hoàng Bình	Thuận		<i>Thu</i>	☐		8	6	8m sáu	
49	21180191	Đỗ Phạm Thê	Long		<i>Long</i>	☐		8	4	8m bốn	
50						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) *N.T. Mai* Chữ ký: *mai*
2) *N.T. Gia* Chữ ký: *Gia*

Họ, tên:
N.T. Thuy Thanh Mai
Chữ ký: *Thuy*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 1/23-24



223241000777

Tên học phần: **Hóa Phân tích 1**Mã học phần: **CHE10007**Lớp: **22HOH_CLC3** Ngày thi: **16/11/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phân		
1	19146059	Huỳnh Lưu Gia	Như					7	75		
2	20146010	Hoàng Nguyễn Bảo	Ngọc								
3	20147016	Vũ Ngọc Mai	Khanh					5	5		
4	20147032	Cao Minh	Triết								
5	20147049	Võ Đức	Dũng					3	25		
6	20147067	Lê Hoàng	Lâm					6	0		
7	20147072	Trần Hữu Hoàng	Long					5	0		
8	20147091	Lê Thị Diễm	Quỳnh					4	0		
9	21146072	Huỳnh Ngô Nhã	Trần					3	75		
10	21146078	Trương Lê Tường	Vi					5	25		
11	21147029	Trần Ngọc	Anh					5	0		
12	21147036	Nguyễn Đạt	Đông					1	75		
13	21147083	Trần Văn	Thiện					5	0		
14	21147093	Cao Trịnh Phương	Uyên					5	5		
15	21147104	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngân								
16	21147106	Nguyễn Thành	An					4	0		
17	21147131	Trần Quốc	Lâm					3	0		
18	22147002	Huỳnh Ngọc	Ân								
19	22147004	Nguyễn Trần Thiên	Ân					3	0		
20	22147005	Dặng Trịnh Tuấn	Anh					6	25		
21	22147008	Nguyễn Đặng Tú	Anh					8	5		
22	22147014	Tăng Kim	Anh					8	75		
23	22147015	Trần Mai	Anh					3	75		
24	22147016	Võ Nguyễn Phương	Anh					7	0		
25	22147017	Vũ Vương Minh	Anh					1	75		

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Đặng Xuân Danh Chữ ký:
2) Võ Trần Bích Trâm Chữ ký:

Họ, tên: Bồ Minh Thy
Chữ ký:

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241000778

Tên học phần: **Hóa Phân tích 1**Mã học phần: **CHE10007**Lớp: **22HOH_CLC3** Ngày thi: **16/11/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vắng	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
26	22147025	Huỳnh Hoàng	Diệu			☐		8	5		
27	22147033	Nguyễn Hương	Giang			☐		2	5		
28	22147039	Nguyễn Thị An	Hòa			☐		2	75		
29	22147048	Trần Hùng Nhật	Huy			☐		7	0		
30	22147051	Bùi Đức Xuân	Khánh			☐		8	25		
31	22147052	Nguyễn Thu Hồng	Khánh			☐		3	25		
32	22147053	Lê Minh	Khôi			☐		3	5		
33	22147067	Nguyễn Văn	Long			☒					
34	22147073	Nguyễn Thị Trà	My			☐		2	0		
35						☐					
36						☐					
37						☐					
38						☐					
39						☐					
40						☐					
41						☐					
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Đặng Xuân Danh Chữ ký:
2) Võ Trần Bích Trâm Chữ ký:

Họ, tên: Lê Minh Huy
Chữ ký:

Họ, tên:
Chữ ký:

Tên học phần: **Hóa Phân tích 1**Mã học phần: **CHE10007**Lớp: **22HOH_CLC3** Ngày thi: **16/11/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **C32_B**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V à n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	22147075	Nguyễn Lê Vi	Na			☐		6	5		
2	22147081	Lương Hồng	Ngọc			☐		7	25		
3	22147083	Lê Đình	Nguyên			☐		6	0		
4	22147091	Lê Ý	Nhi			☐		6	75		
5	22147101	Bùi Cao Thiên	Phúc			☐		8	0		
6	22147102	Lê Hoàng Châu	Phúc			☐		2	0		
7	22147114	Nguyễn Lâm	Quỳnh			☐		5	0		
8	22147116	Nguyễn Thị Quỳnh	Như			☐		4	25		
9	22147118	Nguyễn Phúc	Tài			☐		8	75		
10	22147124	Huỳnh Ngọc Thanh	Thơ			☐		4	25		
11	22147134	Nguyễn Yên	Trà			☐		6	75		
12	22147140	Trần Thị Thanh	Trang			☐		7	0		
13	22147141	Nguyễn Thiện	Trí			☐		8	0		
14	22147148	Nguyễn Anh	Tú			☐		7	5		
15	22147150	Lê Xuân Huy	Tuấn			☐		5	75		
16	22147160	Bùi Văn	Vĩnh			☐		5	0		
17	22147164	Nguyễn Thái Thụy	Vy			☐		4	75		
18	22147167	Võ Phương	Vy			☐		3	75		
19	22147169	Nguyễn Thị	Bích			☐		3	75		
20	22147170	Lâm Xương	Chấn			☐		5	25		
21	22147174	Trần Lê Doan	Khánh			☐		4	75		
22	22147177	Nguyễn Trung	Lộc			☐		5	0		
23	22147185	Trần Nguyễn Khánh	Linh			☐		8	75		
24						☐					
25						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Trần Thị Hồng Chuyên Chữ ký:
2) Phạm Thanh Lâm Chữ ký:

Họ, tên:
Đoàn Minh Thụy
Chữ ký:

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241002957

Tên học phần: **Hóa lý 1**Mã học phần: **CHE10029**Lớp: **22HOH1TN**Ngày thi: **28/11/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F107**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	21140390	Trần Nguyễn Lan	Nhi		<i>Lan</i>			6	5	Sáu rưỡi	
2	22140006	Bùi Ngọc Trúc	Anh		<i>B</i>			5	2	Năm hai	
3	22140009	Dương Trịnh Thế	Anh		<i>Trinh</i>			8	7	Tám bảy	
4	22140021	Lâm Quốc	Bảo		<i>Q</i>			9	8	Chín tám	
5	22140036	Phạm Cao Tiến	Đạt		<i>Đat</i>			8	1	Tám một	
6	22140062	Võ Văn	Hào		<i>Hao</i>			9	3	Chín ba	
7	22140063	Bùi Đức	Hiếu		<i>H</i>			9	5	Chín rưỡi	
8	22140068	Nguyễn Thái	Hòa		<i>T</i>			4	2	Bốn hai	
9	22140080	Nguyễn Minh	Huy		<i>Nh</i>			7	8	Bảy tám	
10	22140081	Nguyễn Ngọc	Huy		<i>N</i>			5	4	Năm bốn	
11	22140087	Quách Thị Thương	Huyền		<i>Q</i>			8	6	Tám sáu	
12	22140101	Đỗ Gia	Kỳ		<i>G</i>			7	2	Bảy hai	
13	22140102	Thái Minh	Lập		<i>M</i>			9	2	Chín hai	
14	22140108	Nguyễn Ngọc Gia	Linh		<i>N</i>			8	9	Tám chín	
15	22140131	Trần Minh	Ngọc		<i>M</i>			9	5	Chín năm	
16	22140134	Trần Xuân	Nguyễn		<i>X</i>			9	0	Chín chẵn	
17	22140148	Lê Thị Hồng	Nhung		<i>Nhung</i>			9	2	Chín hai	
18	22140150	Dương Hoài	Ninh		<i>H</i>			9	0	Chín chẵn	
19	22140153	Lê Tấn	Phát		<i>P</i>			6	8	Sáu tám	
20	22140161	Trần Minh	Phúc		<i>M</i>			7	2	Bảy hai	
21	22140172	Mã Mỹ	Quỳnh		<i>M</i>			7	8	Bảy tám	
22	22140186	Trần Nghiêm	Thành		<i>N</i>			9	6	Chín sáu	
23	22140191	Nguyễn Thị Thạch	Thảo		<i>T</i>			8	4	Tám bốn	
24	22140205	Đào Khánh	Thuận		<i>K</i>			9	8	Chín tám	
25	22140237	Ngô Quốc	Việt		<i>V</i>			7	5	Bảy rưỡi	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) *Trần Thị Hằng* Chữ ký: *TH*
2) *Nguyễn Thị Hằng* Chữ ký: *TH*

Họ, tên:
Chữ ký:

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241002958

Tên học phần: **Hóa lý 1**Mã học phần: **CHE10029**Lớp: **22HOHITN**Ngày thi: **28/11/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F107**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22140239	Lưu Quang	Vũ			☐		8	2	Tám hai	
27	22140245	Đặng Hồng	Yến			☐		6	9	Sáu chín	
28						☐					
29						☐					
30						☐					
31						☐					
32						☐					
33						☐					
34						☐					
35						☐					
36						☐					
37						☐					
38						☐					
39						☐					
40						☐					
41						☐					
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Thị Ngọc Hương Chữ ký:
2) Hà Thanh Hằng Chữ ký:

Họ, tên:
.....
Chữ ký:
.....

Họ, tên:
.....
Chữ ký:
.....



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241000790

Tên học phần: **Hóa lý (Nhiệt động)**

Mã học phần: CHT10006

Lớp: 22CKH_3

Ngày thi: 16/11/2023

Giờ thi: 07g45

Phòng thi: Itcc32

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	22247083	Văn Ngọc	Như		<i>Như</i>	☐	6	5		Sáu năm	
2	22247084	Phạm Thị Kiều	Oanh		<i>Oanh</i>	☐	7	5		Bảy năm	
3	22247085	Phùng Nhật	Phát		<i>Phát</i>	☐	5	7		Năm bảy	
4	22247091	Nguyễn Tổng Thiên	Phước		<i>Phước</i>	☐	6	2		Sáu hai	
5	22247092	Nguyễn Ngọc Mai	Phương		<i>Phương</i>	☐	6	3		Sáu ba	
6	22247101	Lâm Như	Quỳnh		<i>Quỳnh</i>	☐	4	3		Bốn ba	
7	22247106	Đỗ Minh	Tâm		<i>Tâm</i>	☐	7	5		Bảy năm	
8	22247108	Nguyễn Hoàng Hồng	Thắm		<i>Thắm</i>	☐	5	8		Năm tám	
9	22247109	Trần Tôn	Thành		<i>Thành</i>	☐	6	4		Sáu bốn	
10	22247112	Lê Thị Thanh	Thảo		<i>Thảo</i>	☐	7	4		Bảy bốn	
11	22247114	Ngô Đình	Thị		<i>Thị</i>	☐	2	3		Hai ba	
12	22247120	Hồ Ngọc Anh	Thư		<i>Thư</i>	☐	2	1		Hai một	
13	22247124	Vô Thị Thủy	Tiên		<i>Thủy</i>	☐	6	4		Sáu bốn	
14	22247125	Nguyễn Tấn	Tiến		<i>Tấn</i>	☐	4	5		Bốn năm	
15	22247126	Tôn Thất	Tiến		<i>Tôn</i>	☐	6	5		Sáu năm	
16	22247127	Trịnh Hữu	Toàn		<i>Toàn</i>	☐	5	8		Năm tám	
17	22247134	Nguyễn Thanh	Trúc		<i>Trúc</i>	☐	1	3		Một ba	
18	22247138	Huỳnh Nhật	Trương		<i>Trương</i>	☐	6	8		Sáu tám	
19	22247139	Lê Hữu Nhật	Tuấn		<i>Tuấn</i>	☐	5	4		Năm bốn	
20	22247144	Nguyễn Thành	Vinh		<i>Vinh</i>	☐	1	6		Một sáu	
21	22247145	Cao Nguyễn Mỹ	Vy		<i>Mỹ</i>	☐	4	5		Bốn năm	
22	22247147	Nguyễn Ngọc Triệu	Vy		<i>Triệu</i>	☐	5	0		Năm điểm	<i>Anh</i>
23	22247148	Phạm Thị Tường	Vy		<i>Tường</i>	☐	5	0		Năm điểm	
24						☐					
25						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *Ng. Thị Tên Nhi*
1).....Chữ ký: *Ng. Thị Tên Nhi*
2).....Chữ ký: *Ng. Thị Tên Nhi*

Họ, tên: *Nguyễn Anh Thy*
Chữ ký: *Nguyễn Anh Thy*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM



223241000788

Giữa kỳ

Học kỳ: 1/23-24

Tên học phần: **Hóa lý (Nhật Hưng)**Mã học phần: **CHT10006**Lớp: **22CKH_3**Ngày thi: **16/11/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F203**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	18247142	Nguyễn Trần Anh	Thư								
2	19247112	Đỗ Đình	Diễn				1	6		Một sáu	
3	19247199	Trần Phan	Thiết				1	3		Một ba	
4	19247200	Lê Nguyễn Quốc	Thịnh				1	5		Một năm	
5	21247073	Cao Ánh	Linh				3	9		Ba chín	
6	21247117	Huỳnh Nguyễn Bảo	Thư				3	0		Ba điểm	
7	21247165	Đỗ Kỳ	Duyên				4	7		Bốn bảy	
8	21247217	Trần Vũ Thảo	Nhi				5	3		Năm ba	
9	21247226	Nguyễn Đoàn Tổ	Quyên				1	3		Một ba	
10	21247239	Phạm Ngọc	Thế				6	2		Sáu hai	
11	21247244	Đoàn Thị Thanh	Thương				2	0		Hai điểm	
12	21247252	Lê Trung	Tín				4	5		Bốn năm	
13	22247001	Hồ Văn	An				5	4		Năm bốn	
14	22247003	Phạm Thị Triều	An				1	6		Một sáu	
15	22247011	Nguyễn Việt	Anh				7	7		Bảy bảy	
16	22247019	Nguyễn Công	Danh				4	4		Bốn bốn	
17	22247022	Võ Hồng	Dư				5	9		Năm chín	
18	22247027	Phan Hồng	Gấm				5	2		Năm hai	
19	22247030	Trương Ngọc	Hân				5	5		Năm năm	
20	22247031	Nguyễn Thị Minh	Hạnh				6	9		Sáu chín	
21	22247042	Trần Nhật	Huy				7	2		Bảy hai	
22	22247043	Trương Minh	Huy				6	8		Sáu tám	
23	22247046	Trần Tuấn	Khải				4	2		Bốn hai	
24	22247048	Lê Trương Hoàng	Khang				9	2		Chín hai	
25	22247053	Trần Dương Minh	Khôi				5	9		Năm chín	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: **Huỳnh Thị Kim Tuyền** Chữ ký: **[Chữ ký]**Họ, tên: **Nguyễn Anh Thư** Chữ ký: **[Chữ ký]**

Họ, tên: Chữ ký:

2) **Nguyễn Minh Thư** Chữ ký: **[Chữ ký]**Chữ ký: **[Chữ ký]**

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 1/23-24



223241000789

Tên học phần: **Hóa lý (Nhiệt động)**

Mã học phần: CHT10006

Lớp: **22CKH_3**

Ngày thi: **16/11/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F203**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
26	22247059	Huỳnh Nghĩa	Lợi			☐		9	5	chín năm	
27	22247060	Nguyễn Tiến	Lợi			☐		6	7	Sáu bảy	
28	22247062	Lý Hiền	Long			☐		5	8	Năm tám	
29	22247068	Nguyễn Lê Kim	Ngân			☐		6	3	Sáu ba	
30	22247079	Lê Ngọc Uyên	Nhi			☐		6	0	Sáu không	
31						☐					
32						☐					
33						☐					
34						☐					
35						☐					
36						☐					
37						☐					
38						☐					
39						☐					
40						☐					
41						☐					
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Nguyễn Thị Kim Tuyền</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Ngô Anh Thy</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Minh Đức</u> Chữ ký:

BẢNG ĐIỂM HIỆU CHỈNH
HỌC KỲ 1. NĂM HỌC 2023 - 2024

Tên học phần: Vật Lý Đại Cương 1

Mã học phần: PHY 00001

Mã lớp: 23 H0H1

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Điểm trước hiệu chỉnh			Điểm sau khi hiệu chỉnh			Lý do điều chỉnh điểm
			Giữa kỳ	Cuối kỳ	Tổng kết	Giữa kỳ	Cuối kỳ	Tổng kết	
1	23140189	VÕ NGUYỄN MỸ QUỲNH	5.0			5.5			GV nhập sai điểm
2									
3									
4									
5									

KHOA / BỘ MÔN

Ngày 13 tháng 12 năm 2023

CÁN BỘ CHẤM THI


Hoàng Văn Dũng



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241003170

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ - Nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **22TTH2**Ngày thi: **30/11/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	18110179	Lê Kim	Oanh			●					
2	18160037	Võ Trúc	Phương			●					
3	18200017	Dương Lê Công	Thuần			●					
4	19110106	Võ Phan Tiến	Lộc			●					
5	19110361	Chu Khánh	Linh			●					
6	19170221	Nguyễn Thị Mỹ	Tho			●					
7	19200342	Nguyễn Duy	Khánh			●					
8	19200504	Ngô Trường	Thịnh		<i>Ngô</i>	○		4	0	Bốn chấm	
9	19230059	Trần Nhật	Long		<i>Trần</i>	○		6	0	Sáu chấm	
10	20110189	Trần Trung	Hiếu			●					
11	20130143	Nguyễn Đức	Tuấn		<i>Nguyễn</i>	○		7	5	Bảy rưỡi	
12	20200046	Nguyễn Huỳnh Đăng	Khoa		<i>Kh</i>	○		7	0	Bảy chấm	
13	20200248	Nguyễn Hoàng	Linh		<i>Trần</i>	○		6	0	Sáu chấm	
14	20200253	Nguyễn Hữu	Luân			●					
15	20210026	Trần Kiên	Nhân		<i>Trần</i>	○		7	0	Bảy chấm	
16	21130001	Tân Mai	Hương		<i>Luôn</i>	○		9	5	Chín rưỡi	
17	21130209	Lý Gia	Nghi		<i>Ng</i>	○		9	0	Chín chấm	
18	21130297	Nguyễn Tổng Bảo	Trâm			●					
19	21130298	Nguyễn Ngọc Huyền	Trần		<i>Trần</i>	○		5	0	Năm chấm	
20	21130299	Thạch Thị Huyền	Trần		<i>Trần</i>	○		7	5	Bảy rưỡi	
21	21130331	Nguyễn Bình	Yên		<i>Yên</i>	○		9	5	Chín rưỡi	
22	21200047	Đình Đức	Chung		<i>Đ</i>	○		7	5	Bảy rưỡi	
23	21230024	Đoàn Xuân	Thiệu			●					
24	21230046	Bùi Ngọc Thảo	Linh		<i>B</i>	○		6	5	Sáu rưỡi	
25	21230050	Nguyễn Vũ Huyền	My		<i>Nguyễn</i>	○		5	0	Năm chấm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) *Phạm Ngân Thảo* Chữ ký: *Ph*
2) *Nguyễn Thị Thanh* Chữ ký: *N*

Họ, tên: *Phạm Trung Vĩnh*
Chữ ký: *V*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 1/23-24



223241003171

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ - Nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **22TTH2**Ngày thi: **30/11/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21230068	Ngô Hồng	Thái		Thái			5	0	Năm chẵn	
27	21280033	Hồ Ngô Trà	My					7	0	Bảy chẵn	
28	22110179	Nguyễn Minh	Quý					9	5	Chín rưỡi	
29	22110205	Nguyễn Công	Thành					9	5	Chín rưỡi	
30	22110217	Huỳnh Minh	Thuận				1	0	0	Mười chẵn	
31	22110218	Trương Minh	Thuật				1	0	0	Mười chẵn	
32	22110225	Nguyễn Đình	Tiến				1	0	0	Mười chẵn	
33	22110226	Nguyễn Xuân	Tiến					9	5	Chín rưỡi	
34	22110235	Nguyễn Minh	Trí					8	0	Tám chẵn	
35	22110236	Nguyễn Phạm Anh	Trí					9	0	Chín chẵn	
36	22110239	Lê Minh	Trọng					9	0	Chín chẵn	
37	22110240	Trần Thị Thanh	Trúc					9	5	Chín rưỡi	
38	22110257	Nguyễn Ngọc Thảo	Vân					8	0	Tám chẵn	
39	22130093	Tô Trần Hoàng	Long					7	0	Bảy chẵn	
40	22130139	Phạm Thanh	Phong					5	0	Năm chẵn	
41	22130179	Hồ Thị Hà	Tiến					9	0	Chín chẵn	
42	22190070	Nguyễn Thị Cẩm	Quyen					6	0	Sáu chẵn	
43	22200001	Võ Hữu	Ân					9	0	Chín chẵn	
44	22200016	Nguyễn Quốc	Bảo					8	5	Tám rưỡi	
45	22200101	Đào Trúc	Mai					9	5	Chín rưỡi	
46	22200121	Mai Tiến	Phát					6	0	Sáu chẵn	
47	22200130	Huỳnh Nguyên	Quân					9	5	Chín rưỡi	
48	22200131	Lâm Minh	Quân					9	5	Chín rưỡi	
49	22200133	Võ Đình	Quốc					6	0	Sáu chẵn	
50	22200135	Phạm Phương	Quỳnh					9	5	Chín rưỡi	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Phú Khoa. Chữ ký:	Họ, tên: Phan Trung Vĩnh Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Phạm Ngân Thảo. Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241003172

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ - Nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **22TTH2**Ngày thi: **30/11/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
51	22200143	Dương Quốc	Thắng		<i>Thắng</i>	☐		8	0	Tám chấm	
52	22200148	Đặng Bảo	Thịnh		<i>Đặng</i>	☐	1	0	0	Mười chấm	
53	22200149	Nguyễn Đức	Thịnh		<i>Nguyễn</i>	☐		9	5	Chín rưỡi	
54	22200150	Nguyễn Hưng	Thịnh		<i>Nguyễn</i>	☐	1	0	0	Mười chấm	
55	22200158	Nguyễn Đức	Thuận		<i>Nguyễn</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
56	22200159	Nguyễn Huyền	Thương		<i>Nguyễn</i>	☐		9	0	Chín chấm	
57	22200164	Phạm Ngọc	Trâm		<i>Phạm</i>	☐		8	0	Tám chấm	
58	22200168	Phan Thị Phương	Trúc		<i>Phan</i>	☐		8	0	Tám chấm	
59	22200174	Hồ Thái	Tú		<i>Hồ</i>	☐		9	0	Chín chấm	
60	22290007	Hồ Minh	Duy		<i>Duy</i>	☐		4	0	Bốn chấm	
61	22290012	Thái Hoàng	Kim		<i>Thái</i>	☐		7	0	Bảy chấm	
62	22290033	Trần Thanh	Toàn		<i>Trần</i>	☐		7	0	Bảy chấm	
63	22290035	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang		<i>Nguyễn</i>	☐		7	0	Bảy chấm	
64	22290038	Trần Minh	Tùng		<i>Trần</i>	☐		3	0	Ba chấm	
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) *Nguyễn Phú Cường* Chữ ký: *[Signature]*
2) *Võ Hồng Chấn* Chữ ký: *[Signature]*

Họ, tên: *Phạm Trung Vĩnh*
Chữ ký: *[Signature]*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241002828

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **22CTT4**Ngày thi: **02/12/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	1718219	Nguyễn Đức	Mạnh								
2	18150034	Hoàng Ngọc	Huân								
3	19150293	Phan Thị Mỹ	Chinh		Chinh			5	5	Năm năm	
4	20120205	Lê Đông	Thức					8	5	Tám năm	
5	20130133	Thạch	Tịnh								
6	21120414	Hà Quốc	Bảo		Bao			6	0	Sáu	
7	21230024	Đoàn Xuân	Thiệu								
8	21230079	Huỳnh Thiện	Tuấn					7	5	Bảy năm	
9	22110116	Nguyễn Vũ Hoàng	Minh					8	0	Tám	
10	22110142	Trần Long	Nhật		nhật			6	5	Sáu năm	
11	22110157	Hồ Thanh	Phú								
12	22110160	Lê Hoàng	Phúc		Phúc			5	0	Năm	
13	22110161	Lưu Hoàng	Phúc		phúc			7	0	Bảy	
14	22110171	Trà Minh	Quân					5	0	Năm	
15	22120217	Hoàng Lê	Nam				1	0	0	Mười	
16	22120228	Nguyễn Minh	Nghĩa		ngmin			6	0	Sáu	
17	22120249	Trần Ngọc	Nhân		Nhan		1	0	0	Mười	
18	22120253	Nguyễn Đình Minh	Nhật		Nhat			9	5	Chín năm	
19	22120265	Nguyễn Thanh	Phong		phong		1	0	0	Mười	
20	22120392	Nguyễn Quốc	Trọng					6	5	Sáu năm	
21	22140089	Phạm Hưng	Khải		Phu			3	5	Ba năm	
22	22170076	Nguyễn Anh	Tuấn					2	5	Hai năm	
23	22200049	Trương Quang	Giáp					1	0	Một	
24	22230005	Trần Gia	Bảo								
25	22230037	Huỳnh Thanh	Sang					7	0	Bảy	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: Nguyễn Thị Lê Dung Chữ ký: [Signature]
 1) Nguyễn Thị Lê Dung Chữ ký: [Signature]
 2) Nguyễn Thị Lê Dung Chữ ký: [Signature]

Họ, tên: Lê Công Thảo
 Chữ ký: [Signature]

Họ, tên: [Signature]
 Chữ ký: [Signature]



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 1/23-24



223241002829

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22CTT4**

Ngày thi: **02/12/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	22230038	Lê Minh Hải	Son		<i>Son</i>	☐		5	0	<i>Năm</i>	
27						☐					
28						☐					
29						☐					
30						☐					
31						☐					
32						☐					
33						☐					
34						☐					
35						☐					
36						☐					
37						☐					
38						☐					
39						☐					
40						☐					
41						☐					
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Thị Lê Dung</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i> 2) <i>Nguyễn Thanh Bình</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>Lê Công Hòa</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 1/23-24



223241002826

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22CTT2**

Ngày thi: **02/12/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	1615173	Trương Hàn	Khuyến			●					
2	19120558	Văn Quý	Lâm		<i>[Signature]</i>	○		2	0	hai	
3	19120664	Lê Đức	Thiện		<i>[Signature]</i>	○		5	0	năm	
4	19170136	Đoàn Thị Mỹ	Diễm		<i>[Signature]</i>	○		4	0	bốn	
5	19170178	Châu Phạm Phương	Mai		<i>[Signature]</i>	○		3	0	ba	
6	19210045	Phạm Bảo	Oanh		<i>[Signature]</i>	○		2	0	hai	
7	20110363	Cao Nguyễn Thảo	Vy		<i>[Signature]</i>	○		3	0	ba	
8	20120146	Nguyễn Thị Châu	Ngọc		<i>[Signature]</i>	○		4	0	bốn	
9	20120319	Phan Dương	Linh		<i>[Signature]</i>	○		4	0	bốn	
10	20230048	Nguyễn Thiên	Phúc			●					
11	20280076	Phạm Minh	Phương			●					
12	20280110	Trương Văn	Trường		<i>[Signature]</i>	○		7	0	bảy	
13	21110437	Trà Hoàng	Tuấn		<i>[Signature]</i>	○		4	0	bốn	
14	21150150	Trần Tuấn	Anh		<i>[Signature]</i>	○		3	0	ba	
15	21150187	Vũ Thị Xuân	Hà		<i>[Signature]</i>	○		3	0	ba	
16	21190043	Thạch Thị Sóc Sô	Phía		<i>[Signature]</i>	○		4	0	bốn	
17	21190093	Lê Văn	Lên		<i>[Signature]</i>	○		3	0	ba	
18	21190160	Phạm Nguyễn Tín	Trung		<i>[Signature]</i>	○		4	0	bốn	
19	21200024	Lê Quốc	An		<i>[Signature]</i>	○		1	0	một	
20	22110201	Lê Phú	Thắng		<i>[Signature]</i>	○		5	0	năm	
21	22110266	Lê Tường	Vy		<i>[Signature]</i>	○		5	0	năm	
22	22120024	Nguyễn Hoàng	Bảo		<i>[Signature]</i>	○		5	0	năm	
23	22120053	Lê Thành	Đạt		<i>[Signature]</i>	○		7	0	bảy	
24	22120058	Nguyễn Thành	Đạt		<i>[Signature]</i>	○		5	0	năm	
25	22120064	Nguyễn Tấn	Đồng		<i>[Signature]</i>	○		8	0	tám	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>[Signature]</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i> 2) <i>[Signature]</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>[Signature]</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241002827

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **22CTT2**Ngày thi: **02/12/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	22120094	Lê Bảo Hồng	Hạnh					7	0	Bảy	
27	22120153	Trần Duy	Khang					7	0	Bảy	
28	22120165	Lê Anh	Khôi					7	0	Bảy	
29	22120269	Nguyễn Hoài	Phú					3	0	Đến	
30	22120279	Phạm Tài	Phúc					6	0	Sáu	
31	22130125	Trần Ngọc Phương	Nguyễn					1	0	Một	
32	22130139	Phạm Thanh	Phong								
33	22130141	Trịnh Tấn	Phúc					4	0	Bốn	
34	22130148	Trần Duy	Quý					1	0	Một	
35	22130163	Trần Ngọc Toàn	Thắng					3	0	Ba	
36	22130176	Lương Đức	Thuận					4	0	Bốn	
37	22130189	Nguyễn Trí	Tín					1	0	Một	
38	22130202	Lê Quách Hoài	Trung						0		
39	22130207	Trương Ngọc Hồng	Tú					2	0	Hai	
40	22140010	Hoàng Hải Quỳnh	Anh					3	0	Ba	
41	22150108	Nguyễn Ngọc Anh	Thi					4	0	Bốn	
42	22190061	Trần Bùi Yến	Nhi					3	0	Ba	
43	22190089	Lê Phạm Thùy	Trang								
44	22200010	Hoàng Thái	Bảo					4	0	Bốn	
45	22200081	Huỳnh Nguyễn Vinh	Khanh					7	0	Bảy	
46											
47											
48											
49											
50											

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: Trần Kim Duyên
1) Chữ ký:

Họ, tên: Bùi Thị Anh
2) Chữ ký:

Họ, tên: Nguyễn Văn Thuận
Chữ ký:

Họ, tên: _____
Chữ ký: _____



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241002832

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **22CTT6**Ngày thi: **02/12/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F202**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	18600257	Bùi Hữu	Thịnh								
2	19120167	Trần Đình Tiến	Anh		AD			7	0		
3	19130126	Nguyễn Phước Quý	Trung								
4	19150411	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như		Như			5	0		
5	19170146	Nguyễn Thị Triệu	Giàu					3	0		
6	20120292	Phạm Quốc	Hùng		Phu			7	0		
7	20120610	Khúc Xuân	Trường		Phu			6	0		
8	20150191	Võ Thị Thùy	Mai		mai			5	5		
9	20180278	Đặng Ngọc	Huyền								
10	20200361	Lê Tự	Tiến								
11	20200371	Trần Minh	Trí					3	0		
12	20260084	Huỳnh Khải	Luân		Luân			6	0		
13	21110379	Nguyễn Ngọc	Quyên					1	0		
14	21130162	Trần Trung	Hiền					7	0		
15	21130169	Trần Văn	Hoàn		Hoàn			5	0		
16	21130173	Nguyễn Thị Huỳnh	Hương		Huor			6	0		
17	21170048	Phạm Nguyễn Anh	Thư		Thư			2	5		
18	21170066	Vũ Quế	Anh		Anh			1	0		
19	22110253	Phạm Thanh	Tùng								
20	22120043	Đoàn Minh	Cường		CS			8	0		
21	22120050	Hồ Mạnh	Đào		Thomhok			5	5		
22	22120051	Phan Long	Đạo		Đao		1	0	0		
23	22120252	Giang Đức	Nhật		Đn		1	0	0		
24	22120372	Mai Nguyễn Phước	Tin								
25	22120376	Nguyễn Đức	Toàn		Đn			8	0		

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: 1) Vũ Ngọc Ba

Chữ ký: [Chữ ký]

2) Lê Thị Ngọc Trang

Chữ ký: [Chữ ký]

Họ, tên:

Trình Thị Lý

Chữ ký:

[Chữ ký]

Họ, tên:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241002833

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **22CTT6**Ngày thi: **02/12/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F202**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P Thập phân		
26	22120382	Nguyễn Anh	Trí			☐		8	0		
27	22120398	Vũ Hoàng Nhật	Trường			☐		7	0		
28	22120409	Võ Văn	Tùng			☐		6	0		
29	22120415	Trần Quang	Tuyên			☐		7	0		
30	22120418	Huỳnh Trần	Ty			☐		9	0		
31	22120419	Nguyễn Văn	Tý			☐		8	0		
32	22120440	Nguyễn Quang	Vũ			☐		8	0		
33	22120441	Nguyễn Trường	Vũ			☐		8	0		
34	22120442	Nguyễn Văn	Vũ			☐		7	0		
35	22130045	Phan Lam	Giang			☐		4	0		
36	22130127	Dương Trần Chí	Nhân			☐		8	0		
37	22170046	Vũ Trúc	Như			☐		5	0		
38	22180211	Mai Tú	Trình			☐		5	0		
39	22200181	Phạm Phú	Tường			☐		6	0		
40	22230008	Nguyễn Văn	Đức			☐		3	0		
41	22230014	Võ Thanh	Hùng			☐		5	0		
42	22230020	Nguyễn Đình	Khương			☐		4	0		
43	22230049	Lâm Thanh	Tùng			☐		5	0		
44	22230050	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền			☐		7	0		
45	22260009	Đoàn Thị Bích	Diễm			☐		5	0		
46	23130254	Phạm Quốc	Trung			☐		7	0		
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: 1) <u>Vũ Ngọc Ba</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Trình Thái Lý</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) <u>Lê Thị Ngọc Tường</u> Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241003087

Tên học phần: **Vật lý hiện đại (Lượng tử-Nguyên tử-Hạt nhân)**

Mã học phần: **PHY00004**

Lớp: **22CVLI**

Ngày thi: **29/11/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
1	19190090	Hạ Phan Phương Hoàng	Oanh		<i>Oanh</i>	☐		3	5	<i>ba lăm</i>	
2	19190152	Nguyễn Thành	Công		<i>Công</i>	☐		7	0	<i>bảy không</i>	
3	19190186	Lê Nguyễn Phúc	Khiêm		<i>Phúc</i>	☐		3	0	<i>ba không</i>	
4	19190220	Nguyễn Vũ Song	Phú		<i>Song</i>	☐		5	5	<i>năm lăm</i>	
5	19190231	Hà Văn	Tài			☒					
6	20190065	Nguyễn Hồng	Liên		<i>Liên</i>	☐		5	0	<i>năm không</i>	
7	21200150	Trần Văn	Nghĩa		<i>Trần Văn</i>	☐		6	0	<i>sáu không</i>	
8	21200210	Lê Đình Quốc	Thái		<i>Quốc</i>	☐		6	0	<i>sáu không</i>	
9	22160001	Nguyễn Ngọc Thiên	Ân		<i>Thiên</i>	☐		5	0	<i>năm không</i>	
10	22160002	Phạm Gia	Hân			☒					
11	22160003	Nguyễn Phú	Hòa		<i>Phú</i>	☐		2	0	<i>hai không</i>	
12	22160004	Nguyễn Minh	Huy		<i>Minh</i>	☐		3	0	<i>ba không</i>	
13	22160006	Đào Lê Minh	Khoa		<i>Đào</i>	☐		5	5	<i>năm lăm</i>	
14	22160007	Nguyễn Thị Ái	Lành		<i>Ái</i>	☐		7	0	<i>bảy không</i>	
15	22160015	Nguyễn Trần	Trọng		<i>Trần</i>	☐		7	0	<i>bảy không</i>	
16	22250001	Huỳnh Phước	An		<i>An</i>	☐	1	0	0	<i>mười</i>	
17	22250002	Trần Đặng Hoài	Ân		<i>Hoài</i>	☐		9	0	<i>chín không</i>	
18	22250003	Nguyễn Đình Gia	Bảo		<i>Gia</i>	☐		6	5	<i>sáu lăm</i>	
19	22250004	Nguyễn Võ Gia	Bảo		<i>Võ</i>	☐		9	0	<i>chín không</i>	
20	22250005	Phạm Phùng Gia	Bảo		<i>Phạm</i>	☐		8	0	<i>tám không</i>	
21	22250007	Kiểu Công	Chánh		<i>Kiểu</i>	☐		7	0	<i>bảy không</i>	
22	22250008	Lê Phước	Đặng		<i>Phước</i>	☐		7	5	<i>bảy lăm</i>	
23	22250009	Trương Thành	Đạt			☒					
24	22250010	Đặng Anh	Đức		<i>Anh</i>	☐		8	0	<i>tám không</i>	
25	22250011	Trần Thủy	Dương		<i>Thủy</i>	☐		7	5	<i>bảy lăm</i>	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Trần Văn Nghĩa</i> Chữ ký: <i>Trần Văn Nghĩa</i> 2) <i>Nguyễn Văn Hùng</i> Chữ ký: <i>Nguyễn Văn Hùng</i>	Họ, tên: <i>Trần Văn Nghĩa</i> Chữ ký: <i>Trần Văn Nghĩa</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241003088

Tên học phần: **Vật lý hiện đại (Lượng tử-Nguyên tử-Hạt nhân)**

Mã học phần: **PHY00004**

Lớp: **22CVL1**

Ngày thi: **29/11/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22250012	Đỗ Khánh	Duy					6	5	sáu năm	
27	22250013	Nguyễn Thị Kim	Duyên								
28	22250014	Lê Phạm Lan	Hà					9	0	chín không	
29	22250015	Lê Chí	Hải					7	0	bảy không	
30	22250016	Phạm Ngọc	Hải					6	5	sáu năm	
31	22250017	Trần Ngọc	Hải								
32	22250018	Lưu Chí	Hào					3	5	ba năm	
33	22250019	Lý Vinh	Hiền					8	5	tám năm	
34	22250020	Lưu Đức	Hòa					9	0	chín không	
35	22250021	Dương Quốc	Hội								
36	22250022	Nguyễn Ngọc Gia	Huy					8	0	tám không	
37	22250023	Nguyễn Dương	Khải					7	0	bảy không	
38	22250024	Nguyễn Trần Minh	Khoa					2	5	hai năm	
39	22250025	Nguyễn Lê Nguyên	Khôi					5	5	năm năm	
40	22250026	Nguyễn Xuân	Khôi					7	5	bảy năm	
41	22250027	Lê Duy	Khương					8	0	tám không	
42	22250028	Trần Xuân	Lâm					8	0	tám không	
43	22250029	Hoàng Gia	Linh					6	0	sáu không	
44	22250030	Lê Diệp	Mỹ					9	5	chín năm	
45	22250031	Võ Nguyễn Kim	Ngân				1	0	0	mười	
46	22250032	Thái Bội	Nghi					9	5	chín năm	
47	22250033	Nguyễn Đình Hồng	Ngọc								
48	22250034	Nguyễn Thị	Nhường					7	0	bảy không	
49	22250035	Nguyễn Trương Hữu	Phát								
50	22250036	Lê Hoàng	Phúc								

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) ...Chữ ký: 2) ...Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241003089

Tên học phần: **Vật lý hiện đại (Lượng tử-Nguyên tử-Hạt nhân)**

Mã học phần: **PHY00004**

Lớp: **22CVLI**

Ngày thi: **29/11/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
51	22250038	Lương Minh	Phước		<i>phước</i>	☐	8	0		<i>tạm không</i>	
52	22250039	Nguyễn Hà	Phương		<i>Phuong</i>	☐	9	5		<i>chưa kiểm</i>	
53	22250041	Lâm Trần Hồng	Son			☒					
54	22250042	Nguyễn Trung	Son		<i>g</i>	☐	7	5		<i>bây giờ</i>	
55	22250043	Trần Quốc	Son		<i>g</i>	☐	8	5		<i>tạm kiểm</i>	
56	22250044	Hồ Nhật	Tân		<i>h</i>	☐	5	5		<i>ngày kiểm</i>	
57	22250045	Huỳnh Trung	Thảo		<i>thao</i>	☐	8	0		<i>tạm kiểm</i>	
58	22250047	Ngô Phước	Thiên			☒					
59	22250048	Nguyễn Ngọc	Thiên		<i>g</i>	☐	9	5		<i>chưa kiểm</i>	
60	22250050	Nguyễn Thị Phước	Thọ		<i>th</i>	☐	6	0		<i>sau kiểm</i>	
61	22250051	Trần Quang	Thuận		<i>q</i>	☐	8	5		<i>tạm kiểm</i>	
62	22250052	Nguyễn Minh	Thức		<i>thức</i>	☐	7	5		<i>bây giờ</i>	
63	22250053	Phan Ngọc	Thủy		<i>ph</i>	☐	9	5		<i>chưa kiểm</i>	
64	22250054	Huỳnh Lê Nhựt	Thủy		<i>thủy</i>	☐	8	5		<i>tạm kiểm</i>	
65	22250056	Trần Cẩm	Toàn			☒					
66	22250057	Nguyễn Minh	Tri		<i>tri</i>	☐	7	5		<i>bây giờ</i>	
67	22250058	Trần Triết	Tường		<i>tr</i>	☐	9	0		<i>chưa kiểm</i>	
68	22250059	Nguyễn Thị Thanh	Tuyển		<i>nguyen</i>	☐	6	5		<i>sau kiểm</i>	
69	22250061	Lương Thị Tường	Vi		<i>lt</i>	☐	1	5		<i>niết kiểm</i>	
70	22250062	Nguyễn Đình	Vượng		<i>vd</i>	☐	6	0		<i>sau kiểm</i>	
71	22250063	Trần Hoàng Nhật	Vy		<i>tr</i>	☐	6	0		<i>sau kiểm</i>	
72	22250064	Lê Gia	Vỹ		<i>vg</i>	☐	9	0		<i>chưa kiểm</i>	
73	22270003	Tôn Thất Ngọc	Bảo			☒					
74	22270004	Trần Lệ Yến	Chi		<i>th</i>	☐	8	5		<i>tạm năm</i>	
75	22270005	Phạm Đình	Đông		<i>đông</i>	☐	4	5		<i>bây giờ</i>	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Ngọc Anh</i> 1) <i>Nguyễn Thị Ngọc Anh</i> Chữ ký: <i>nguyen</i> 2) <i>Nguyễn Thị Ngọc Anh</i> Chữ ký: <i>nguyen</i>	Họ, tên: <i>Trần Duy Tân</i> Chữ ký: <i>tr</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241003090

Tên học phần: **Vật lý hiện đại (Lượng tử-Nguyên tử-Hạt nhân)**Mã học phần: **PHYC0004**Lớp: **22CVLI**Ngày thi: **29/11/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
76	22270007	Võ Huy	Hùng		<i>Hùng</i>	☐		3	0	ba không	
77	22270008	Hoàng Minh	Huy		<i>Yems</i>	☐		2	0	hai không	
78	22270009	Nguyễn Ngọc	Huy		<i>huy</i>	☐	4	0	0	mười	
79	22270010	Lê Tuấn	Tài		<i>L</i>	☐		3	5	ba lăm	
80	22270011	Nguyễn Trường	Thịnh		<i>Thịnh</i>	☐		5	0	năm không	
81	22270012	Nguyễn Trung	Thành		<i>Thành</i>	☐		5	0	năm không	
82						☐					
83						☐					
84						☐					
85						☐					
86						☐					
87						☐					
88						☐					
89						☐					
90						☐					
91						☐					
92						☐					
93						☐					
94						☐					
95						☐					
96						☐					
97						☐					
98						☐					
99						☐					
100						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *Nguyễn Hữu Ngân*
1).....Chữ ký: *NH*
2).....Chữ ký: *NH*

Họ, tên: *Trần Duy Tập*
Chữ ký: *Trần Duy Tập*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241003094

Tên học phần: **Vật lý hiện đại (Lượng tử-Nguyên tử-Hạt nhân)**Mã học phần: **PHY00094**Lớp: **22KVL1**Ngày thi: **29/11/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **F208**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	22190051	Nguyễn Văn	Minh								
2	22190052	Nguyễn Hoài	Nam					6	5	Sáu lăm	
3	22190055	Trương Lập	Ngân					4	5	Bốn lăm	
4	22190057	Vũ Ngọc Kim	Ngân				1	0	0	mười	
5	22190058	Nguyễn Kiều Bích	Ngọc					8	0	tám không	
6	22190059	Phạm Gia	Nguyễn					5	5	năm lăm	
7	22190061	Trần Bùi Yến	Nhi					7	0	bảy không	
8	22190062	Trương Thị Mỹ	Như					7	5	bảy lăm	
9	22190063	Nguyễn Quang	Phát					4	0	bốn không	
10	22190065	Nguyễn Hoàng	Phúc					5	0	năm không	
11	22190066	Võ Thiên	Phước								
12	22190068	Nguyễn Duy	Quốc								
13	22190069	Lê Phương	Quyên					5	0	năm không	
14	22190070	Nguyễn Thị Cẩm	Quyên					7	5	bảy lăm	
15	22190072	Trần Lam	Sơn								
16	22190073	Trần Trọng	Sơn								
17	22190074	Võ	Sử					7	0	bảy không	
18	22190075	Võ Văn Anh	Tài					8	0	tám không	
19	22190076	Phạm Việt	Tâm					7	0	bảy không	
20	22190078	Lý Ngọc	Thắm					8	5	tám lăm	
21	22190079	Văn Hồ Tiến	Thanh					3	5	ba lăm	
22	22190080	Vũ Đức	Thành					6	5	sáu lăm	
23	22190081	Đặng Diệu	Thiện					8	5	tám lăm	
24	22190083	Đặng Nguyễn Anh	Thư								
25	22190084	Nguyễn Anh	Thư					6	0	sáu không	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: Đỗ Thị Ngọc Bích
1) Đỗ Thị Ngọc Bích Chữ ký: Đỗ Thị Ngọc Bích
2) Trần Thanh Thủy Chữ ký: Trần Thanh Thủy

Họ, tên: Trần Duy Tập
Chữ ký: Trần Duy Tập

Họ, tên: Trần Duy Tập
Chữ ký: Trần Duy Tập



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241003095

Tên học phần: **Vật lý hiện đại (Lượng tử-Nguyên tử-Hạt nhân)**Mã học phần: **PHY00004**Lớp: **22KVL1**Ngày thi: **29/11/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **F208**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
26	22190085	Tô Vương Anh	Thư				7	5		bảy lăm	
27	22190087	Kim Thị Tiên	Tiên				6	5		Sáu lăm	
28	22190088	Hồ Lâm Xuân	Trang								
29	22190089	Lê Phạm Thùy	Trang								
30	22190090	Nguyễn Duy	Triết				7	5		bảy lăm	
31	22190091	Nguyễn Duy Minh	Triết				6	0		Sáu không	
32	22190092	Huỳnh Diệu	Trình				5	5		năm năm	
33	22190093	Bùi Anh	Tú								
34	22190094	Nguyễn Minh	Tú				6	5		Sáu lăm	
35	22190095	Vũ Thanh Thiên	Tú				3	0		ba không	
36	22190096	Nguyễn Phương Hồng	Vân				4	0		bốn không	
37	22190097	Trương Triệu	Vĩ				9	0		chín không	
38	22190098	Dương Quốc	Việt				6	5		Sáu lăm	
39	22190099	Dương Tấn Bảo	Việt				6	0		Năm không	
40	22190100	Dương	Vũ				3	5		ba năm	
41	22190101	Lê Quang	Vũ				2	5		hai lăm	
42	22190102	Nguyễn Bảo Hoàn	Vũ				2	0		hai không	
43	22190103	Nguyễn Ngọc Tường	Vy				5	5		năm lăm	
44	22190104	Nguyễn Ngọc Tường	Vy				7	5		bảy lăm	
45	22190106	Lê Thị Ngọc	Yến				7	0		bảy không	
46	22190107	Chiêm Bình	An								
47	22190112	Lê Thị	Nhi				3	5		ba lăm	
48	22190115	Nguyễn Anh	Tuấn								
49	22190118	Lê Viết	Tuấn				1	5		một lăm	
50	22200177	Nguyễn Ngọc Duy	Tuấn				6	5		Sáu lăm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: Trần Thanh Đông
1) Trần Thanh Đông Chữ ký:
2) Đỗ Hải Nga Chữ ký:

Họ, tên: Trần Duy Tập
Chữ ký:

Họ, tên: _____
Chữ ký: _____



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241003091

Tên học phần: **Vật lý hiện đại (Lượng tử-Nguyên tử-Hạt nhân)**

Mã học phần: **PHY00004**

Lớp: **22KVL1**

Ngày thi: **29/11/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	19160015	Nguyễn Bá Nhật	Duy					3	5	ba năm	
2	19190072	Lê Hoàng	Minh					3	0	ba không	
3	19200351	Nguyễn Huỳnh Minh	Kiên					5	0	năm không	
4	19200376	Lê Nhật	Minh								
5	20190045	Nguyễn Huỳnh	Giang								
6	20190091	Nguyễn Minh	Quân					6	5	sáu năm	
7	20190098	Nguyễn Hoàng	Thái								
8	20200356	Lưu Vĩnh	Thuận								
9	20260034	Cao Lê Phương	Tâm					6	5	sáu năm	
10	21130115	Trương Gia	Bào					4	0	bốn không	
11	21130225	Nguyễn Lê Phương	Như								
12	21130321	Trần Thụy Yến	Vi					7	0	bảy không	
13	21200355	Lê Minh	Thế								
14	21260049	Trần Thị Thúy	An					7	0	bảy không	
15	22190601	Võ Thúy	An				1	0	0	mười	
16	22190002	Bùi Duy	Anh					8	5	tám năm	
17	22190003	Lê Tiến	Anh					5	5	năm năm	
18	22190004	Mai Đức	Anh					8	5	tám năm	
19	22190005	Phạm Thùy Vân	Anh					7	5	bảy năm	
20	22190006	Phan Thị Mỹ	Anh				1	0	0	mười	
21	22190008	Vũ Nguyễn Hoàng	Anh								
22	22190009	Vũ Sơn	Bào					3	0	ba không	
23	22190010	Võ Ngọc	Chiến					8	0	tám không	
24	22190011	Phạm Đình	Chương								
25	22190013	Phạm Văn	Cường								

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:
1)	Chữ ký:	Chữ ký:
2)		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241003092

Tên học phần: **Vật lý hiện đại (Lượng tử-Nguyên tử-Hạt nhân)**

Mã học phần: **PHY00004**

Lớp: **22KVL1**

Ngày thi: **29/11/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
26	22190015	Nguyễn Thành	Đạt		<i>Đạt</i>	☐	8	0		hạn lượng	
27	22190016	Võ Thành	Đạt		<i>Đạt</i>	☐	7	0		bảy không	
28	22190017	Lê Minh	Dự		<i>Minh</i>	☐	6	5		sáu năm	
29	22190019	Nguyễn Thọ Thái	Duy		<i>Thọ</i>	☐	6	5		sáu năm	
30	22190020	Văn Công Nhật	Duy		<i>Ngô</i>	☐	7	5		bảy năm	
31	22190021	Bùi Minh	Giang		<i>Minh</i>	☐	6	0		sáu không	
32	22190022	Nguyễn Thị Cẩm	Giang		<i>Giang</i>	☐	7	0		bảy không	
33	22190024	Trần Trọng Minh	Hải		<i>Hải</i>	☐	7	5		bảy năm	
34	22190025	Nguyễn Hạnh Bảo	Hân		<i>Trần</i>	☐	7	5		bảy năm	
35	22190026	Nguyễn Thị Ngọc	Hân		<i>Hân</i>	☐	7	5		bảy năm	
36	22190027	Lê Phước	Hiền		<i>Phước</i>	☐	7	5		bảy năm	
37	22190028	Phạm Minh	Hiếu			☒					
38	22190029	Vũ Lương	Hiếu		<i>Lương</i>	☐	5	0		năm không	
39	22190030	Đào Ngô	Hoàng		<i>Hoàng</i>	☐	4	5		bốn năm	
40	22190032	Trần Ánh	Hồng		<i>Ánh</i>	☐	5	0		năm không	
41	22190033	Phan Ngọc	Hương		<i>Ngọc</i>	☐	6	5		sáu năm	
42	22190034	Lê Huỳnh Phúc	Huy		<i>Phúc</i>	☐	6	0		sáu không	
43	22190036	Võ Ngọc Gia	Huy		<i>Gia</i>	☐	4	0		bốn không	
44	22190037	Trần Vĩnh	Khang		<i>Vĩnh</i>	☐	4	5		bốn năm	
45	22190038	Ngô Vũ Lê	Khoa		<i>Ngô</i>	☐	1	0		một	
46	22190039	Phạm Xuân	Khoa			☒					
47	22190040	Nguyễn Vũ Nguyên	Khôi		<i>Khôi</i>	☐	7	5		bảy năm	
48	22190041	Hoàng Tuấn	Kiệt		<i>Tuấn</i>	☐	4	5		bốn năm	
49	22190042	Nguyễn Châu	Kiệt		<i>Châu</i>	☐	1	5		một năm	
50	22190044	Dương Thị Phương	Linh		<i>Phương</i>	☐	6	5		sáu năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Trúc Linh</i> 1) <i>Nguyễn Thị Trúc Linh</i> Chữ ký: <i>Nguyễn Thị Trúc Linh</i> 2) <i>Phạm Thị Thu</i> Chữ ký: <i>Phạm Thị Thu</i>	Họ, tên: <i>Trần Duy Tân</i> Chữ ký: <i>Trần Duy Tân</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241003093

Tên học phần: **Vật lý hiện đại (Lượng tử-Nguyên tử-Hạt nhân)**

Mã học phần: **PHY00004**

Lớp: **22KVL1**

Ngày thi: **29/11/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
51	22190045	Nguyễn Yến	Linh			☐		5	5	năm lăm	
52	22190046	Phạm Tú	Linh			☐		7	5	bảy lăm	
53	22190048	Nguyễn Chi	Lực			☐		6	5	sáu lăm	
54	22190049	Võ Thị Trúc	Mai			☐		2	0	hai không	
55	22190050	Nguyễn Ngọc Bình	Minh			☐		6	0	sáu không	
56						☐					
57						☐					
58						☐					
59						☐					
60						☐					
61						☐					
62						☐					
63						☐					
64						☐					
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1).....	Chữ ký:	Chữ ký:		Chữ ký:	
2).....	Chữ ký:				



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241003102

Tên học phần: **Vật lý hiện đại (Lượng tử-Nguyên tử-Hạt nhân)**

Mã học phần: **PHY00004**

Lớp: **22VLH2**

Ngày thi: **29/11/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P Thập phần		
1	18200278	Nguyễn Ngọc	Tuấn			●					
2	19130126	Nguyễn Phước Quý	Trung			●					
3	19200240	Phạm Vũ Hoàng	Anh		<i>ctuh</i>	○	5	0		năm chẵn	
4	20120450	Phạm Hữu	Đan			●					
5	20200408	Trần Quang	Tuấn			●					
6	21130145	Võ Trọng	Duy		<i>duy</i>	○	6	0		sáu chẵn	
7	21130300	Đỗ Trần Diệu	Trang		<i>Siach</i>	○	4	8		bốn tám	
8	21130301	Nguyễn Thị Thùy	Trang		<i>tu</i>	○	8	5		tám năm	
9	21130323	Đinh Thái	Vinh			●					
10	22130118	Nguyễn Hồng	Ngọc		<i>h</i>	○	7	0		bảy chẵn	
11	22130119	Nguyễn Như	Ngọc			●					
12	22130120	Phan Thị Thu	Ngọc			●					
13	22130121	Trương Gia	Ngọc			●					
14	22130123	Nguyễn Ngọc	Nguyễn		<i>Chay</i>	○	9	3		chín ba	
15	22130124	Nguyễn Trần Thảo	Nguyễn		<i>nguy</i>	○	7	0		bảy chẵn	
16	22130125	Trần Ngọc Phương	Nguyễn		<i>ph</i>	○	7	0		bảy chẵn	
17	22130135	Nguyễn Minh	Như		<i>nhu</i>	○	7	5		bảy năm	
18	22130137	Tạ Ngọc Hoàng	Phát			●					
19	22130138	Nguyễn Lê Mạnh	Phi		<i>phi</i>	○	9	8		chín tám	
20	22130139	Phạm Thanh	Phong		<i>ph</i>	○	5	5		năm năm	
21	22130141	Trịnh Tấn	Phúc		<i>phuc</i>	○	7	5		bảy năm	
22	22130142	Đoàn Lê Phi	Phụng		<i>ph</i>	○	1	0		mười chẵn	
23	22130147	Phạm Minh	Quang		<i>Quang</i>	○	9	8		chín tám	
24	22130148	Trần Duy	Quý		<i>q</i>	○	6	5		sáu năm	
25	22130149	Lê Võ Bảo	Quỳnh		<i>luong</i>	○	7	0		bảy chẵn	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Phạm Thị Hà</i> Chữ ký: <i>Phạm Thị Hà</i>	Họ, tên: <i>Lê Thị Thu Trang</i> Chữ ký: <i>Lê Thị Thu Trang</i>	Họ, tên: Chữ ký:
2) <i>Phạm Ngân Thảo</i> Chữ ký: <i>Phạm Ngân Thảo</i>		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241003103

Tên học phần: **Vật lý hiện đại (Lượng tử-Nguyên tử-Hạt nhân)**

Mã học phần: **PHY00004**

Lớp: **22VLH2**

Ngày thi: **29/11/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
26	22130151	Trần Hương	Quỳnh			●					
27	22130152	Trần Thảo Như	Quỳnh			●					
28	22130161	Lê Phan Quốc	Thắng			○	4	5		lớn năm	
29	22130163	Trần Ngọc Toàn	Thắng			○	7	0		lớn chín	
30	22130169	Phạm Phúc	Thịnh			○	9	3		chín ba	
31	22130172	Đoàn Võ Anh	Thư			●					
32	22130175	Nguyễn Ngọc Minh	Thư			○	7	0		lớn chín	
33	22130176	Lương Đức	Thuận			○	7	5		lớn năm	
34	22130177	Phan Lê Minh	Thuận			○	1	0		mười chín	
35	22130178	Phan Thị Khánh	Thuận			○	9	8		chín tám	
36	22130179	Hồ Thị Hà	Tiên			○	9	0		chín chín	
37	22130182	Cao Văn	Tiến			○	7	5		lớn năm	
38	22130185	Nguyễn Minh	Tiến			●					
39	22130186	Trần Nhật	Tiến			○	4	0		lớn chín	
40	22130189	Nguyễn Trí	Tin			○	5	0		năm chín	
41	22130192	Phan Thị Quỳnh	Trâm			○	5	5		năm năm	
42	22130194	Nguyễn Thị Huyền	Trang			○	6	8		sáu tám	
43	22130195	Nguyễn Võ Yến	Trang			○	4	3		lớn ba	
44	22130196	Trần Ngọc Thu	Trang			○	8	5		tám năm	
45	22130198	Lê Tiến	Triển			●					
46	22130199	Nguyễn Ngô Thùy	Trinh			○	6	5		sáu năm	
47	22130200	Thân Phương	Trinh			○	9	5		chín năm	
48	22130202	Lê Quách Hoài	Trung			○	2	0		hai chín	
49	22130203	Nguyễn Việt	Trung			○	3	5		ba năm	
50	22130207	Trương Ngọc Hồng	Tú			○	4	8		lớn tám	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Phạm Ngân Thảo</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Vũ T. Thu Trang</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Vũ T. Thu Trang</u> Chữ ký:
Họ, tên: <u>Nguyễn Ngọc Tiến</u> Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241003104

Tên học phần: **Vật lý hiện đại (Lượng tử-Nguyên tử-Hạt nhân)**Mã học phần: **PHY00004**Lớp: **22VLH2**Ngày thi: **29/11/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **F304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
51	22130209	Lê Hoàng	Tuấn			●					
52	22130211	Lương Tiểu	Tuệ		<i>Lương Tiểu</i>	○		6	5	sáu năm	
53	22130212	Lê Thanh	Tùng			●					
54	22130213	Huỳnh Nguyễn Kim	Tuyền		<i>Kim</i>	○		3	5	ba năm	
55	22130215	Võ Thiện	Vân		<i>Võ</i>	○		9	5	chín năm	
56	22130217	Đỗ Huỳnh Gia	Vĩ		<i>Đỗ</i>	○		4	8	bốn tám	
57	22130218	Phan Thành	Vinh			●					
58	22130219	Vũ Thiện	Vinh		<i>Vũ</i>	○		7	5	bảy năm	
59	22130223	Lý Khả	Vy		<i>Khả</i>	○		5	5	năm năm	
60	22130224	Nguyễn Trần Lan	Vy		<i>Nguyễn</i>	○		6	0	sáu chẵn	
61	22130226	Hà Mỹ	Xuân		<i>Hà</i>	○		9	5	chín năm	
62	22130227	Lê Như	Ý		<i>Nguyễn</i>	○		6	0	sáu chẵn	
63	22130229	Phan Thị Hải	Yến		<i>Phan</i>	○		7	5	bảy năm	
64	22200007	Phạm Khoa	Bách		<i>Phạm</i>	○		5	5	năm năm	
65	22200018	Trần Vũ	Bảo		<i>Trần</i>	○		6	0	sáu chẵn	
66	22200026	Lê Thành	Dạt		<i>Lê</i>	○		5	0	năm chẵn	
67	22200100	Mai Thanh	Lý		<i>Mai</i>	○		6	8	sáu tám	
68	22200110	Nguyễn Tấn	Nhạc		<i>Nguyễn</i>	○		7	5	bảy năm	
69	22200115	Đỗ Minh	Nhật		<i>Đỗ</i>	○		5	0	năm chẵn	
70	22200119	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như		<i>Nguyễn</i>	○		7	5	bảy năm	
71	22200184	Đặng Thế	Vinh		<i>Đặng</i>	○		4	5	bốn năm	
72						○					
73						○					
74						○					
75						○					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) *Phạm Thị Khả*.....Chữ ký: *Phạm*
2) *Nguyễn Ngọc Tiến*.....Chữ ký: *Nguyễn*

Họ, tên: *Võ T. Thi Trang*
Chữ ký: *Võ*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 1/23-24



223241002689

Tên học phần: **Kỹ thuật siêu âm**

Mã học phần: **PHY10212**

Lớp: **20VLCR**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phân		
1	19130247	Lê Minh	Tú								
2	20130060	Lê Đức	Anh				1	0	0	mười điểm	
3	20130078	Phạm Mạnh	Hiếu				1	0	0	mười điểm	
4	20130089	Phạm Quốc	Khánh					8	0	tám điểm	
5	20130119	Nguyễn Đỗ Tố' Quyền						9	0	chín điểm	
6											
7											
8											
9											
10											
11											
12											
13											
14											
15											
16											
17											
18											
19											
20											
21											
22											
23											
24											
25											

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:	Lê Thụy Thanh Giang	Họ, tên:	
1) Nguyễn Thanh Danh	Chữ ký:	Chữ ký:		Chữ ký:	
2) Trần Kim Chi	Chữ ký:				



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241002690

Tên học phần: **Khoa học vật liệu đại cương – Công nghệ nano**

Mã học phần: **PHY10213**

Lớp: **21VLCR**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P/Thấp phần		
1	19130247	Lê Minh	Tú			●					
2	21130118	Lê Thị Ngọc	Cầm	1	<i>Lê Thị Ngọc</i>	○		9	5	chín năm	
3	21130128	Nguyễn Công	Đạt			●					
4	21130137	Đặng Thị Thủy	Dung			●					
5	21130161	Trần Công	Hậu	1	<i>Trần Công</i>	○		8	8	tám tám	
6	21130171	Nguyễn Thị Kim	Huệ	2	<i>Nguyễn Thị Kim</i>	○		9	5	chín năm	
7	21130174	Võ Lê Xuân	Hương	1	<i>Võ Lê Xuân</i>	○		8	5	tám năm	
8	21130187	Quách Tuấn	Kiệt	01	<i>Quách Tuấn</i>	○		9	0	chín	
9	21130206	Trần Thanh	Nam	01	<i>Trần Thanh</i>	○		8	0	tám	
10	21130213	Trần Minh	Ngọc	1	<i>Trần Minh</i>	○		9	0	chín	
11	21130219	Nguyễn Thanh	Nhà	1	<i>Nguyễn Thanh</i>	○		9	0	chín	
12	21130220	Nguyễn	Nhạc		<i>Nguyễn</i>	○		9	5	chín năm	
13	21130222	Lê Dung	Nhi	1	<i>Lê Dung</i>	○		8	0	tám	
14	21130235	Phạm Ngọc	Phụng	1	<i>Phạm Ngọc</i>	○		8	0	tám	
15	21130246	Ngô Bùi Hương	Quỳnh	1	<i>Ngô Bùi Hương</i>	○		8	5	tám năm	
16	21130261	Nguyễn Thị Phương	Thảo	2	<i>Nguyễn Thị Phương</i>	○		8	0	tám	
17	21130309	Trương Công	Trúc	1	<i>Trương Công</i>	○		9	0	chín	
18	21130321	Trần Thụy Yên	Vĩ	1	<i>Trần Thụy Yên</i>	○		8	5	tám năm	
19						○					
20						○					
21						○					
22						○					
23						○					
24						○					
25						○					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Trần Kim Chi</i> Chữ ký: <i>Trần Kim Chi</i> 2) <i>Nguyễn Thanh Bình</i> Chữ ký: <i>Nguyễn Thanh Bình</i>	Họ, tên: <i>Lê Thụy Thanh Giang</i> Chữ ký: <i>Lê Thụy Thanh Giang</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/23-24



223241002693

Tên học phần: **Kỹ thuật điện tử và đo lường**Mã học phần: **PHY10216**Lớp: **21VLCR**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	21130118	Lê Thị Ngọc	Cầm	1				9	0	chín	
2	21130128	Nguyễn Công	Đạt								
3	21130137	Đặng Thị Thùy	Dung								
4	21130161	Trần Công	Hậu	1				5	0	năm	
5	21130171	Nguyễn Thị Kim	Huệ	1				6	0	sáu	
6	21130174	Vồ Lê Xuân	Hương	1				8	5	tám năm	
7	21130187	Quách Tuấn	Kiệt	1				9	0	chín	
8	21130206	Trần Thanh	Nam	1				9	5	chín năm	
9	21130213	Trần Minh	Ngọc					8	0	tám	
10	21130219	Nguyễn Thanh	Nhà	1				9	5	chín năm	
11	21130220	Nguyễn	Nhạc	1				9	0	chín	
12	21130222	Lê Dung	Nhi	1				6	5	sáu năm	
13	21130235	Phạm Ngọc	Phụng	1				7	5	bảy năm	
14	21130246	Ngô Bùi Hương	Quỳnh	1				8	5	tám năm	
15	21130261	Nguyễn Thị Phương	Thảo	1				7	0	bảy	
16	21130321	Trần Thụy Yên	Vi	1				5	0	năm	
17											
18											
19											
20											
21											
22											
23											
24											
25											

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Huỳnh Văn Giang Chữ ký:

Họ, tên: Trần Quang Nguyên
Chữ ký:

Họ, tên:
Chữ ký: